

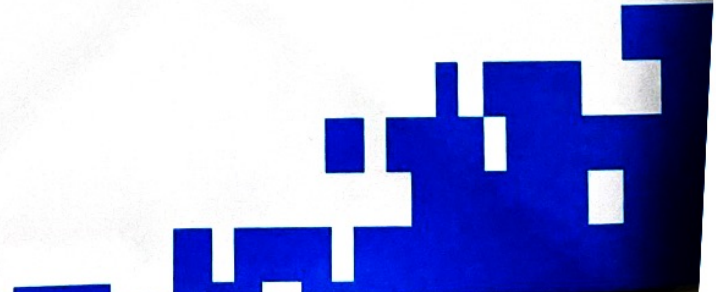


**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Handwritten red text and stamps on the right margin, including a circular stamp with "M.S.D." and other illegible characters.

Vertical handwritten text on the left margin, likely a page number or reference code, appearing to be "12/12/2023".



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 41

Đ. T. VI. S. D. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lan	Thành viên
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Ông Vũ Chinh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Ông Lý Việt An	Phụ trách quản trị (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)
Bà Vũ Bình Nguyễn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Số: 391/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

TUĞ TÖNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Thanh Thanh
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

(Theo Giấy ủy quyền số 14/2023-24/UQ-RSM ngày
01 tháng 10 năm 2023)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2024-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		304.901.401.803	369.800.903.853
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	86.673.459.849	92.749.393.614
1. Tiền	111		22.745.459.849	47.693.776.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.928.000.000	45.055.617.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	110.996.056.800	142.607.465.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.525.000.000	16.525.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.290.100.000)	(397.075.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		95.761.156.800	126.479.540.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.649.460.142	133.078.933.221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	89.760.294.335	102.881.229.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	7.941.726.755	20.176.706.958
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	12.587.661.281	15.148.185.296
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.640.222.229)	(5.127.188.081)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.582.425.012	1.365.112.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.318.868.538	1.364.936.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		77.815.418	175.183
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	185.741.056	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		386.953.812.789	355.802.379.121
I. Tài sản cố định	220		26.989.743.601	30.988.626.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	25.970.320.009	29.923.875.385
Nguyên giá	222		103.310.421.478	104.105.187.008
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.340.101.469)	(74.181.311.623)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.019.423.592	1.064.751.263
Nguyên giá	228		3.524.823.186	3.524.823.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.505.399.594)	(2.460.071.923)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		740.928.990	147.239.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		740.928.990	147.239.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	359.141.947.673	324.299.063.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		310.765.050.000	277.696.850.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.445.240.000	21.623.200.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(68.342.327)	(20.986.029)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		81.192.525	367.449.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		81.192.525	367.449.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		691.855.214.592	725.603.282.974

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		335.628.711.031	442.815.144.298
I. Nợ ngắn hạn	310		333.584.617.031	377.233.896.543
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	151.782.638.882	162.293.311.388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.685.000	2.685.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.965.221.195	4.601.981.425
4. Phải trả người lao động	314	4.11	6.795.055.188	10.906.964.484
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	8.919.255.781	2.183.209.469
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	7.445.913.534	7.477.332.710
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	156.673.847.451	189.768.412.067
II. Nợ dài hạn	330		2.044.094.000	65.581.247.755
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	3.840.996.814
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	2.044.094.000	2.506.038.000
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.15	-	59.234.212.941
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		356.226.503.561	282.788.138.676
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	356.226.503.561	282.788.138.676
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.994.970.000	119.490.050.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.994.970.000	119.490.050.000
Cổ phiếu ưu đãi	412		57.826.051.991	45.544.394.511
2. Thặng dư vốn cổ phần	413		-	531.977.480
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Cổ phiếu quỹ	418	4.16.4	9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ đầu tư phát triển	420	4.16.4	12.000.000.000	12.000.000.000
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	421		110.822.395.810	96.638.630.925
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		96.638.630.925	68.319.770.409
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421b		14.183.764.885	28.318.860.516
LNST chưa phân phối kỳ này				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		691.855.214.592	725.603.282.974



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	541.374.193.473	997.400.057.366
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		541.374.193.473	997.400.057.366
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	513.897.459.583	940.468.610.870
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.476.733.890	56.931.446.496
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	23.260.862.929	27.229.996.504
6. Chi phí tài chính	22	5.4	14.527.264.043	23.329.677.426
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		11.044.873.337	16.348.914.329
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	21.852.697.957	26.172.181.510
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.357.634.819	34.659.584.064
9. Thu nhập khác	31		206.069.272	283.136.634
10. Chi phí khác	32		75.969.185	650.191.169
11. Lợi nhuận khác	40		130.100.087	(367.054.535)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.487.734.906	34.292.529.529
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	303.970.021	5.973.669.013
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.183.764.885	28.318.860.516



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.487.734.906	34.292.529.529
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.057.368.748	4.726.368.300
Các khoản dự phòng	03		2.453.415.446	917.807.766
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(380.213.256)	71.794.561
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.970.491.155)	(21.540.913.256)
Chi phí lãi vay	06	5.4	11.044.873.337	16.348.914.329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.692.688.026	34.816.501.229
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.864.793.344	157.139.016.844
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.753.347.119)	(4.714.628.208)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.667.674.726)	(664.826.922)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.844.735.092)	(16.024.613.890)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(1.728.372.798)	(11.025.357.343)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	337.051.470
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(555.555.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.563.351.635	159.307.587.625
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(741.866.621)	(88.372.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		141.279.460	118.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.118.641.800)	(35.903.924.539)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		43.302.005.000	11.578.504.539
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.890.240.000)	(109.359.350.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.283.298.477	7.278.867.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.975.834.516	(126.376.092.865)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	606.455.796.394	1.017.192.025.964
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(639.550.361.010)	(1.026.180.036.803)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(11.893.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.094.564.616)	(20.881.615.839)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(6.555.378.465)	12.049.878.921
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		92.749.393.614	80.690.912.048
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		479.444.700	8.602.645
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	86.673.459.849	92.749.393.614



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 05 năm 2023 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCNP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 166.994.970.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	41.537.040.000	24,87	29.615.000.000	24,78
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	36.357.640.000	21,77	23.571.400.000	19,73
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	16,64	27.780.000.000	23,25
Lionas Fund Co., Ltd	Nhật Bản	17.136.000.000	10,26	17.136.000.000	14,34
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	12.623.100.000	7,56	9.000.000.000	7,53
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	8.497.360.000	5,09	-	-
Các đối tượng khác		23.063.830.000	13,81	12.387.650.000	10,37
Cộng		166.994.970.000	100	119.490.050.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 268 (01 tháng 01 năm 2023 là: 271).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, vận tải.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành: 5229). Chi tiết:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận và tiếp vận, ngành nghề này đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Năm 2023, sản lượng vận chuyển liên tục giảm, buộc các đại lý dần điều chỉnh giá cước về mức tương đương cuối năm 2019. Với nhóm vận tải biển, áp lực gia tăng từ nguồn cung tàu mới khiến thị trường dư cung và giá cước giảm sâu thêm. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu năm 2023 của Công ty đã giảm 46% so với năm 2022, cụ thể:

- Doanh thu cước vận chuyển hàng không giảm 35%;
- Doanh thu cước vận chuyển đường biển giảm 66%;
- Doanh thu từ các dịch vụ khác tăng 19%.

Giá vốn năm 2023 giảm tương ứng với doanh thu.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con: Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Giao nhận, tiếp vận và bốc xếp hàng hóa	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Kinh doanh, khai thác cảng, bốc xếp hàng hóa và cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển	Bán đảo Đĩnh Vú - khu KT Định Vũ Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	26,66%	26,66%	26,66%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Giao nhận, vận tải	số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP Hải Phòng
Chi nhánh Bắc Ninh	Giao nhận, vận tải	tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận, vận tải	tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%;
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 8% và 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.078.393.080	2.775.549.361
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.667.066.769	44.918.227.253
Các khoản tương đương tiền (*)	63.928.000.000	45.055.617.000
Cộng	86.673.459.849	92.749.393.614

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 2,1%/năm đến 3%/năm đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023				Tại ngày 01/01/2023			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:								
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	10.616.340.000	-	6.900.000.000	10.515.232.000	-	6.900.000.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	9.625.000.000	8.334.900.000	(1.290.100.000)	9.625.000.000	9.227.925.000	(397.075.000)	9.625.000.000	(397.075.000)
Cộng	16.525.000.000	18.951.240.000	(1.290.100.000)	16.525.000.000	19.743.157.000	(397.075.000)	16.525.000.000	(397.075.000)

Tại ngày báo cáo, Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	397.075.000	-
Trích lập trong năm	893.025.000	397.075.000
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	1.290.100.000	397.075.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	95.761.156.800	95.761.156.800	126.479.540.000	126.479.540.000
Dài hạn:				
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,3% đến 7,8%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 8,4%/năm và kỳ hạn 07 năm, được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành ^(a)	24.000.000.000	(*)	24.000.000.000	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cảng Mipec ^(b)	310.765.050.000	(*)	277.696.850.000	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam ^(c)	2.260.000.000	(*)	2.260.000.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long ^(d)	21.185.240.000	(*)	19.363.200.000	(*)
Cộng	23.445.240.000		21.623.200.000	
Tổng cộng	358.210.290.000		323.320.050.000	
				(20.986.029)
				(20.986.029)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Khoản đầu tư này chiếm 100% vốn góp của Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành.

(b) Thông qua Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐQT ngày 06/01/2023 và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 16/02/2023, Công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec theo phương án phát hành thêm cổ phiếu với tổng giá trị 33.068.200.000 VND làm tăng tỷ lệ quyền biểu quyết từ 26,33% lên 26,66%.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 30 tháng 01 năm 2024 từ tổ chức thẩm định chuyên nghiệp, giá trị 1 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipec tại ngày 31/12/2023 được định giá là 11.819 VND/cổ phần và hiện đang cao hơn so với giá gốc bình quân của 1 cổ phần được mua mà Công ty đang ghi sổ là 10.419 VND/cổ phần.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp của Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(d) Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thông qua Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 25/05/2023, Công ty thực hiện mua thêm 182.204 cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long với tổng giá trị 1.822.040.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2023, khoản đầu tư này chiếm tỷ lệ 9,18%.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số đầu năm	20.986.029	709.636.171
Trích lập trong năm	47.356.298	-
Hoàn nhập trong năm	-	(688.650.142)
Số cuối năm	68.342.327	20.986.029

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	776.950.442	72.144.838
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Tiếp vận KCL	5.745.359.435	4.292.906.586
Công ty TNHH PTV Logistics	4.975.631.001	453.094.590
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	3.073.574.770	5.708.055.875
Công ty TNHH MTV Giấy Lập Thạch	2.378.662.200	3.410.576.425
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Vĩnh Thịnh	2.269.836.834	5.078.278.855
Các khách hàng khác (*)	70.540.279.653	83.866.171.879
Cộng	89.760.294.335	102.881.229.048

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải thu ngắn hạn các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	4.540.178.618	13.825.317.660
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company	3.124.871.844	5.368.976.298
Các nhà cung cấp khác	276.676.293	982.413.000
Cộng	<u>7.941.726.755</u>	<u>20.176.706.958</u>

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ	2.039.295.000	-	6.314.376.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	6.831.131.657	-	7.014.475.391	-
Phải thu khác	3.717.234.624	-	1.819.333.905	-
Cộng	<u>12.587.661.281</u>	<u>-</u>	<u>15.148.185.296</u>	<u>-</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	1.115.620.730	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	-	Trên 3 năm	5.300.180.797	1.590.054.238	Từ 2 năm đến 3 năm
Các khách hàng khác	576.512.303	352.091.601	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	771.288.240	469.847.448	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Cộng	6.992.313.830	352.091.601		7.187.089.767	2.059.901.686	

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số đầu năm	5.127.188.081	3.917.805.175
Trích lập trong năm	1.513.034.148	1.209.382.906
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	6.640.222.229	5.127.188.081

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	52.967.101.368	10.942.120.969	38.595.186.725	745.307.946	855.470.000	104.105.187.008
Mua trong năm	-	-	148.176.631	-	-	148.176.631
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(279.475.637)	-	-	(279.475.637)
Giảm khác	-	(360.883.804)	(35.100.000)	(267.482.720)	-	(663.466.524)
Tại ngày 31/12/2023	52.967.101.368	10.581.237.165	38.428.787.719	477.825.226	855.470.000	103.310.421.478
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	25.925.074.384	9.007.259.861	37.734.923.811	678.791.639	835.261.928	74.181.311.623
Khấu hao trong năm	2.780.109.798	630.521.910	554.648.074	28.061.299	18.699.996	4.012.041.077
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(189.784.707)	-	-	(189.784.707)
Giảm khác	-	(360.883.804)	(35.100.000)	(267.482.720)	-	(663.466.524)
Tại ngày 31/12/2023	28.705.184.182	9.276.897.967	38.064.687.178	439.370.218	853.961.924	77.340.101.469
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	27.042.026.984	1.934.861.108	860.262.914	66.516.307	20.208.072	29.923.875.385
Tại ngày 31/12/2023	24.261.917.186	1.304.339.198	364.100.541	38.455.008	1.508.076	25.970.320.009

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ hữu hình là 146.133.296 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 44.565.649.313 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	2.642.410.677	882.412.509	3.524.823.186
Tại ngày 31/12/2023	<u>2.642.410.677</u>	<u>882.412.509</u>	<u>3.524.823.186</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	1.606.670.841	853.401.082	2.460.071.923
Khấu hao trong năm	16.316.244	29.011.427	45.327.671
Tại ngày 31/12/2023	<u>1.622.987.085</u>	<u>882.412.509</u>	<u>2.505.399.594</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	1.035.739.836	29.011.427	1.064.751.263
Tại ngày 31/12/2023	<u>1.019.423.592</u>	<u>-</u>	<u>1.019.423.592</u>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.313.963.578 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 640.363.374 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	6.139.950.964	6.139.950.964	1.445.791.786	1.445.791.786
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Co.,Ltd	113.172.594.913	113.172.594.913	112.155.346.710	112.155.346.710
Qatar Airway Group	3.409.901.356	3.409.901.356	1.465.490.783	1.465.490.783
Công ty TNHH An Phát 68	2.125.805.766	2.125.805.766	4.012.606.883	4.012.606.883
Phải trả cho các đối tượng khác	26.934.385.883	26.934.385.883	43.214.075.226	43.214.075.226
Cộng	151.782.638.882	151.782.638.882	162.293.311.388	162.293.311.388

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	334.113.571	5.385.315.324	5.518.601.406	-	467.399.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	185.741.056	-	303.970.021	1.728.372.798	-	1.238.661.721
Thuế thu nhập cá nhân	-	210.268.169	4.189.701.640	5.503.697.596	-	1.524.264.125
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	719.154.156	719.154.156	-	-
Các loại thuế khác	-	1.420.839.455	16.892.132.022	16.842.948.493	-	1.371.655.926
Cộng	185.741.056	1.965.221.195	27.490.273.163	30.312.774.449	-	4.601.981.425

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 31/12/2023.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước cước vận chuyển và phí làm chứng từ.

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.657.277.945	7.144.268.626
Các khoản phải trả, phải nộp khác	788.635.589	333.064.084
Cộng	<u>7.445.913.534</u>	<u>7.477.332.710</u>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.044.094.000	2.506.038.000

(Xem trang tiếp theo)

785
T
H
&T
TN
10
352
IG
PH
ANV
THL
A-T

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vay**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	156.673.847.451	156.673.847.451	606.455.796.394	639.550.361.010	189.768.412.067	189.768.412.067
Các khoản vay được chi tiết như sau:						
Ngân hàng	Loại tiền	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tại ngày 31/12/2023
						VND
						Tại ngày 01/01/2023
						VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(e)	VND	200.000.000.000	<12 tháng	5,2% - 8,3%/năm	Bổ sung vốn lưu động	89.895.947.150
Ngân hàng TMCP Quân Đội ^(b)	VND	80.000.000.000	<12 tháng	6,2% - 8,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.652.264.728
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(c)	VND	28.900.000.000	<12 tháng	5,5% - 8,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	19.898.513.506
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(d)	VND	70.000.000.000	<12 tháng	6,2% - 8,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.054.090.293
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ^(e)	VND	23.000.000.000	<12 tháng	5,6% - 8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	21.335.340.236
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội ^(f)	VND	60.000.000.000	<12 tháng	6% - 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	837.691.538
Cộng						156.673.847.451
						189.768.412.067

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.1 và Mục 4.2 và các tài sản khác, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 802222564996, 802222565014, 802222565005, 802222565032, 802222481855, kỳ hạn từ 1 đến 6 tháng với tổng giá trị là 22.300.000.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 802220000386, 802220000359, 802220000377, 802220000368, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 350.000 USD;
- Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 146.133.296 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 640.363.374 VND – Xem thêm Mục 4.8.
- Các tài khoản tiền gửi số 802221528052, 802221599067, 802221599076, 802221606587 kỳ hạn từ 01 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân với tổng giá trị là 7.450.000.000 VND;

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 0001580880950, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 6807890264681, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 3.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001171725886, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 2.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 1500633006291, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 8.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 1500633006358, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 4.000.000.000 VND;
- Trái phiếu VBA121033, kỳ hạn 07 năm với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 219000364277, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 211000235485, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 13.204.812.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 703003958743, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 13.000.000.000 VND.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 09750000004676, 09750000017086, 001020824108 kỳ hạn 06 đến 12 tháng với tổng giá trị 15.600.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001031887761, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 194.000 USD.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Trái phiếu chuyển đổi

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 28 tháng 01 năm 2021 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Mục đích phát hành: góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và thanh toán một phần khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 592.546 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: 7%/năm;
- Kỳ hạn trả lãi: 01 năm/lần;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu = Mệnh giá trái phiếu/ Giá chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 7,5%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc là 58.722.622.520 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 531.977.480 VND.

	<u>Trái phiếu chuyển đổi</u>
Tại ngày 01/01/2021	-
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	58.722.622.520
Chi phí phát hành	(137.500.000)
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	237.409.985
	<hr/>
Tại ngày 01/01/2022	58.891.282.505
Phân bổ chi phí phát hành	68.750.000
Lãi trái phiếu	274.180.436
	<hr/>
Tại ngày 01/01/2023	59.234.212.941
Lãi trái phiếu	20.387.059
Phát hành cổ phiếu chuyển đổi trái phiếu (*)	(59.254.600.000)
	<hr/>
Tại ngày 31/12/2023	-

(*) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 01 năm 2023 - Xem thêm Mục 4.16.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND
Tại ngày 01/01/2022	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	101.823.979.957
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	28.318.860.516
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(210.310.706)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(11.893.605.000)
Tại ngày 01/01/2023	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	118.038.924.767
Chuyển đổi trái phiếu (*)	47.504.920.000	12.281.657.480	(531.977.480)	-	59.254.600.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	14.183.764.885
Tại ngày 31/12/2023	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	132.222.689.652
					356.226.503.561

(*) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 01 năm 2023, với tổng số cổ phần được chuyển đổi là 4.750.492 cổ phần và mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Số lượng trái phiếu chuyển đổi là 592.546 trái phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 8,01714 (nhà đầu tư sở hữu 01 trái phiếu nhận 8,01714 cổ phiếu với giá chuyển đổi là 12.473,28 đồng/cổ phiếu). Theo đó, vốn điều lệ đăng ký (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ 119.490.050.000 VND lên 166.994.970.000 VND – Xem thêm Mục 4.15.

(Xem trang tiếp theo)

ĐẠI HỘI CỔ PHẦN NHẬN VẬN TẢI THƯƠNG MẠI

101/3

336

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	119.490.050.000	119.490.050.000
Vốn góp tăng trong kỳ	47.504.920.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	166.994.970.000	119.490.050.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.699.497	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.699.497	11.949.005
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.644.097	11.893.605

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2023	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2023	9.400.293.842	12.000.000.000

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.698.260,59	3.038.342,21
EUR	12.944,20	12.928,77
SGD	680,86	680,86

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cước vận chuyển hàng không	266.418.218.583	411.654.788.081
Cước vận chuyển đường biển	171.763.962.863	499.102.531.546
Doanh thu dịch vụ khác	103.192.012.027	86.642.737.739
Cộng	541.374.193.473	997.400.057.366

Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7

	44.482.492.936	39.741.389.429
--	----------------	----------------

Nguyên nhân giảm doanh thu năm nay được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	39.780.471.915	65.405.775.157
Chi phí công cụ, dụng cụ	220.940.052	370.978.908
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.390.493.706	4.021.247.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.482.860.709	852.691.352.991
Chi phí bằng tiền khác	15.022.693.201	17.979.256.666
Cộng	513.897.459.583	940.468.610.870

Giá vốn năm 2023 giảm 45% do giảm doanh thu như thuyết minh ở mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.281.567.738	15.686.563.385
Lãi tiền gửi	8.640.390.443	5.854.349.871
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.958.691.492	5.689.083.248
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	380.213.256	-
Cộng	23.260.862.929	27.229.996.504

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	11.044.873.337	16.348.914.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.542.009.408	7.200.543.678
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	940.381.298	(291.575.142)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	71.794.561
Cộng	14.527.264.043	23.329.677.426

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.434.559.139	13.180.907.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	666.875.042	705.121.152
Chi phí dự phòng	1.513.034.148	1.209.382.908
Chi phí bằng tiền khác	9.238.229.628	11.076.769.680
Cộng	21.852.697.957	26.172.181.510

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	50.215.031.054	78.586.682.927
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.057.368.748	4.726.368.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.703.800.761	853.062.331.899
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.513.034.148	1.209.382.908
Chi phí khác	24.260.922.829	29.056.026.346
Cộng	535.750.157.540	966.640.792.380

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	14.487.734.906	34.292.529.529
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	454.183.042	2.645.371.658
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(517.500.700)	(88.419.924)
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia	(11.281.567.738)	(15.686.563.385)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	3.142.849.510	21.162.917.878
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	628.569.902	4.232.583.576
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	(324.599.881)	1.741.085.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành	303.970.021	5.973.669.013

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chuyển đổi trái phiếu thành vốn chủ sở hữu	59.254.600.000	-

6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	606.455.796.394	1.017.192.025.964

6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(639.550.361.010)	(1.026.180.036.803)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|---------------------------------|
| 1. Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành | Công ty con |
| 2. Công ty Cổ phần Vinafreight | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 3. Công ty Cổ phần Transimex | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	611.604	12.739.978
Công ty Cổ phần Vinafreight	776.338.838	59.404.860
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	<u>776.950.442</u>	<u>72.144.838</u>
Trả trước cho người bán – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	4.540.178.618	13.825.317.660
Phải trả thương mại – Xem thêm Mục 4.9:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	(6.139.950.964)	(1.445.791.786)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	42.702.995.151	37.193.024.438
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.637.035.026	2.485.533.137
Công ty Cổ phần Transimex	142.462.759	62.831.854
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	<u>44.482.492.936</u>	<u>39.741.389.429</u>
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	31.523.320.358	10.754.043.304
Công ty Cổ phần Vinafreight	244.994.400	155.250.270
Công ty Cổ phần Transimex	262.398.270	1.201.558.256
Cộng	<u>32.030.713.028</u>	<u>12.110.851.830</u>

63
 CÔNG
 TNHH
 GIAO
 NHẬN
 VẬN
 TẢI
 HÀ
 THÀNH
 Đ
 135
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 GIAO NHẬN
 VẬN TẢI
 HÀ TH
 ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	9.202.131.938	14.262.045.885
Công ty Cổ phần Vinafreight	694.575.000	-
Cộng	9.896.706.938	14.262.045.885
Chi phí lãi vay đã trả:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	1.040.949.000	-
Công ty Cổ phần Transimex	653.471.000	-
Cộng	1.694.420.000	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND		Năm 2022 VND	
		Thù lao	Thu nhập	Thù lao	Thu nhập
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	133.333.333	916.332.000	133.333.333	916.332.000
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	61.111.111	916.332.000	61.111.111	916.332.000
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	636.000.000	-	612.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	-	612.000.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	61.111.111	-	61.111.111	-
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	-	61.111.111	-
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên ban kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	-	-	-
	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	22.222.222	-	22.222.222
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023)	-	16.666.667	-	16.666.667
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên ban kiểm soát	-	16.666.667	-	16.666.667
Cộng		438.888.888	3.139.699.556	499.999.999	3.112.219.556
			3.578.588.444		3.612.219.555

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị Quyết số 14/2023/NQ-HDQT ngày 27/12/2023, Công ty thông qua phương án chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec (dưới đây gọi tắt là "Cảng Mipec") với tổng số cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa là 3.500.000 tương ứng 3,13% tỷ lệ sở hữu trong Cảng Mipec.

Ngày 28/12/2023, Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng 1.750.000 cổ phiếu của Cảng Mipec cho bà Nguyễn Thu Hương với tổng giá trị được chuyển nhượng là 40.250.000.000 VND. Và tại thời điểm trên, bà Nguyễn Thu Hương đã đặt cọc số tiền 402.500.000 VND cho Công ty. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

Giao dịch chuyển nhượng trên đã được Công ty và bà Nguyễn Thu Hương thống nhất hủy bỏ theo hợp đồng thanh lý ngày 10/01/2024. Theo đó, Công ty cũng đã hoàn trả khoản tiền cọc cho bà Nguyễn Thu Hương vào ngày 24/01/2024. Do đó, Công ty và Cảng Mipec đã không ghi nhận giao dịch chuyển nhượng trên cho báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, thông tin hủy bỏ giao dịch chuyển nhượng trên chưa được Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI cập nhật kịp thời.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024